

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH NINH BÌNH

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ
ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Ninh Bình, tháng 05 năm 2017

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
I. TỔNG QUAN VỀ ĐƠN VỊ.....	7
1. Các thông tin chung về Đơn vị	7
2. Lịch sử hình thành và phát triển	7
3. Chức năng, nhiệm vụ và Cơ cấu tổ chức của Đoạn QLGT số 1.	7
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 năm trước khi cổ phần hoá	9
II. THỰC TRẠNG ĐOẠN TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	12
1. Thực trạng về tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015	12
2. Thực trạng tài chính Công nợ	15
3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng.....	17
4. Thực trạng về lao động	17
5. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động.....	18
PHẦN II – KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	20
I. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ.....	20
II. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ.....	20
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	20
2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý	22
PHẦN III – NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ.....	23
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	23
1. Thông tin chung về việc cổ phần hoá	23
2. Doanh nghiệp sau cổ phần hoá	25
3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu	26
4. Tổ chức cán bộ công ty.....	26
5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm công bố GTDN.....	29
6. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.....	29
7. Cơ cấu vốn điều lệ	29
II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	30
1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động	30
2. Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng	32
3. Giá khởi điểm	33
III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG.....	33
1. Kế hoạch bố trí lao động.....	33
2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	34

IV. CHI PHÍ CỔ PHẦN HOÁ	35
V. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	35
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT	36
1. Căn cứ pháp lý	36
2. Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hoá.....	36
VII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HOÁ	36
1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bố lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo.....	36
2. Đánh giá rủi ro dự kiến	41
3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần	42
4. Kiến nghị và tổ chức thực hiện.....	42

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu doanh thu năm 2012 - 2015.....	9
Bảng số 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2012 - 2015.....	10
Bảng số 3: Kết quả kinh doanh của Đơn vị từ 2012 – 2015.....	10
Bảng số 4: Bảng tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng.....	11
Bảng số 5: Bảng tổng hợp về giá trị còn lại tài sản cố định	12
Bảng số 6: Thực trạng Nhà cửa, vật kiến trúc	13
Bảng số 7: Thực trạng Máy móc thiết bị và phương tiện quản lý	13
Bảng số 8: Thực trạng về phương tiện vận tải.....	14
Bảng số 9: Bảng kê công nợ phải thu	15
Bảng số 10: Bảng kê công nợ phải trả	16
Bảng số 11: Cơ cấu lao động theo Hợp đồng và Đoàn thể.....	18
Bảng số 12: Phân loại theo trình độ lao động	18
Bảng số 13: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	21
Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	30
Bảng số 15: Cơ cấu lao động Công ty cổ phần.....	34
Bảng số 16: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước.....	35
Bảng số 17: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hoá	38
Sơ đồ số 1: Sơ đồ tổ chức công ty	8
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức trong công ty cổ phần	26

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

UBND	:	Ủy Ban Nhân dân
NĐ	:	Nghị định
QĐ	:	Quyết định
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BCTC	:	Báo cáo tài chính

CÁC CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản có liên quan;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại Doanh nghiệp Nhà nước;
- Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông Tư 44/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị Định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Cổ phần hóa Đoạn quản lý giao thông số I, Đoạn quản lý giao thông số II thuộc Sở GTVT Ninh Bình
- Văn bản số 480/LĐTBXH-LĐTL ngày 27/4/2016 của Sở Lao động thương binh và xã hội về việc hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.
- Quyết định số 1636/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Đoạn quản lý giao thông số 1 để cổ phần Hóa.
- Quyết định số: 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng chính phủ về tiêu chí phân loại Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020.

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

I. TỔNG QUAN VỀ ĐƠN VỊ

1. Các thông tin chung về Đơn vị

-  Tên Đơn vị : Đoạn quản lý giao thông số 1
-  Địa chỉ trụ sở chính : Số 6, phố Trì Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
-  Điện thoại : 02293.862.053
-  Fax : 02293.720.241
-  Email : Doanqlgtso1@gmail.com

Quyết định thành lập: Đoạn quản lý giao thông số 1 (viết tắt là “Đoạn QLGT số 1”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 09/QĐUB ngày 09/01/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thành lập đoạn quản lý đường bộ phía Đông đường quốc lộ 1A trực thuộc Sở Giao thông vận tải Ninh Bình. Đoạn QLGT số 1 được đổi tên từ Đoạn quản lý đường bộ số 1 thành Đoạn quản lý giao thông số 1 theo Quyết định số 550/QĐUB ngày 28/07/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Đoạn quản lý giao thông số 1 được thành lập theo Quyết định số: 09/QĐUB ngày 9/01/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hợp nhất giữa Xí nghiệp xây dựng và quản lý đường bộ Huyện Kim Sơn, Đội công trình giao thông Huyện Tam Điệp và 01 tổ sản xuất của Công ty công trình giao thông Ninh Bình.

Quyết định số: 09/QĐUB ngày 9/01/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc: Thành lập đoạn quản lý đường bộ phía Đông đường Quốc lộ 1A (gọi tắt là đoạn quản lý đường bộ số I) trực thuộc Sở giao thông vận tải Ninh Bình;

Quyết định số: 550/QĐUB ngày 28/7/1994 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc: Đổi tên Đoạn quản lý đường bộ thuộc Sở giao thông vận tải;

3. Chức năng, nhiệm vụ và Cơ cấu tổ chức của Đoạn QLGT số 1.

3.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng:

Quản lý duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường bộ, đường sông thuộc phía đông nam tỉnh Ninh Bình. Yêu cầu trọng tâm của nhiệm vụ đó là luôn luôn đảm bảo giao thông được thông suốt, mặt đường đảm bảo êm thuận không làm ảnh hưởng tới người và phương tiện tham gia giao thông, gây ách tắc giao thông. đặc biệt trong công tác quản lý là luôn phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, những vi phạm nền, mặt đường nhằm bảo vệ và nâng cao tuổi thọ chất lượng của các công trình giao thông đường bộ, các vi phạm về đường thủy nội địa để không làm

thay đổi dòng chảy hoặc trong những diễn biến thời tiết làm thay đổi dòng chảy thì phải có cảnh báo hướng dẫn kịp thời đảm bảo cho các phương tiện thủy lưu thông thuận lợi.

Ngoài ra đơn vị còn tham gia xây dựng các công trình cơ bản như: xây dựng cầu, cống, các đoạn đường được nâng cấp của tỉnh, tham gia xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn...



Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ của Đoạn QLGT số theo Quyết định số 09/QĐUB ngày 09/01/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

- Thực hiện một số nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý Nhà nước do Sở giao thông vận tải giao trên hệ thống đường địa phương và quốc lộ do trung ương ủy thác như: hướng dẫn kỹ thuật đường giao thông nông thôn, phối hợp với chính quyền huyện, xã làm tốt công tác thanh tra, giữ gìn trật tự an toàn giao thông;
- Tổ chức duy tu, bảo dưỡng đường theo quy định ngành trong phạm vi do Đoạn quản lý;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Sở giao thông vận tải giao như: trùng tu hoặc xây dựng các công trình để đảm bảo giao thông thông suốt, sản xuất vật liệu phục vụ cho ngành giao thông vận tải.

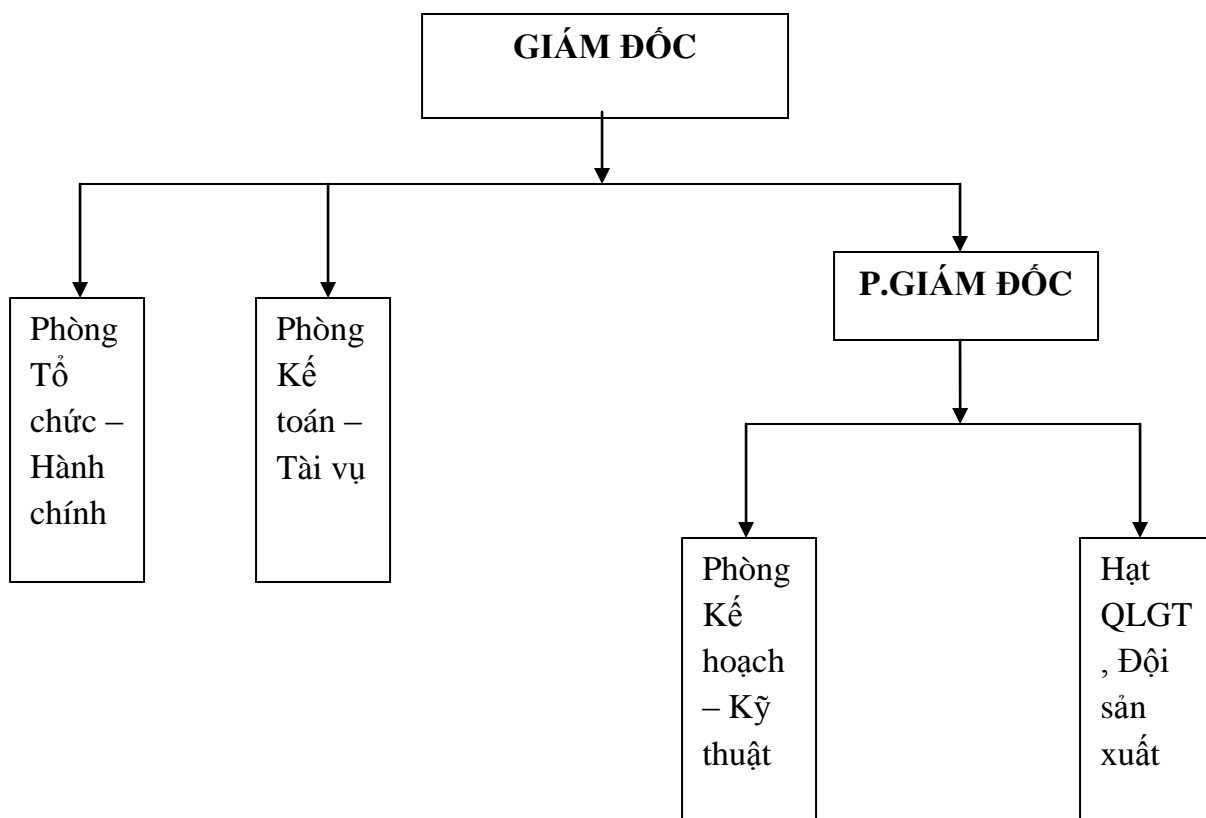
3.2. Tổ chức bộ máy của Đoạn quản lý giao thông số 1

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Đoạn hiện nay theo mô hình đơn vị sự nghiệp, thực hiện các chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý tổ chức, điều hành hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật, gồm có:

-  Ban Giám đốc gồm 2 người
-  Phòng nghiệp vụ tham mưu giúp việc
 - Phòng Tổ chức hành chính.
 - Phòng Kế toán – Tài vụ.
 - Phòng kế hoạch – Kỹ thuật
 - Hạt quản lý giao thông số 1,2,3
 - Đội công trình

3.3. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ số 1: Sơ đồ tổ chức Đơn vị



(Nguồn: Đoạn quản lý giao thông số 1 Ninh Bình)

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 năm trước khi cổ phần hoá

4.1. Thực trạng về tài chính của Đoạn QLGT số 1 trong 3 năm 2013, 2014 và 2015

Trong 3 năm trước khi cổ phần hoá, tình hình về tài chính của Đơn vị được thể hiện qua một số thông tin như sau:

Bảng số 1: Cơ cấu doanh thu năm 2012 - 2015

Đơn vị: triệu đồng

TT	Doanh thu theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Từ Duy tu, sửa chữa thường xuyên	3.510	78%	3.915	37%	3.229	30%	3.239	37%
2	Từ Sửa chữa đột xuất, định kỳ	1.005	22%	6.731	63%	7.578	70%	5.733	63%

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

3	Tổng doanh thu thuần	4.575		10.647		10.808		8.972	
----------	-----------------------------	--------------	--	---------------	--	---------------	--	--------------	--

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

Bảng số 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2012 - 2015

Đơn vị: triệu đồng

TT	Lợi nhuận gộp theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Từ Hoạt động s/x kinh doanh	4.204	100%	4.298	100%	-	-	23.496	100%
2	Từ Lợi nhuận bất thường	0	0	0	0	-	-	0	0%
5	Tổng lợi nhuận	4.204		4.298		-	-	23.496	

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

Bảng số 3: Kết quả kinh doanh của Đơn vị từ 2012 – 2015

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng giá trị tài sản	2.677	4.700	3.802	6.519
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	0	0	0	0
3. Nợ vay ngắn hạn Trong đó, nợ quá hạn	0	0	0	0
4. Nợ vay dài hạn Trong đó, nợ quá hạn	0	0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	0	0	0	0
6. Tổng số lao động	70	74	70	69
7. Tổng quỹ lương	1.613	2.778	3.114	3.323
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	2.000	3.100	3.700	4000
9. Tổng doanh thu	4.575	10.652	10.808	8.972
10. Tổng chi phí	4.579	10.647	10.808	8.972
11. Lợi nhuận thực hiện	(4.204)	5.373	0	0
12. Lợi nhuận sau thuế	0	4.298	0	0

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

4.2. Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng 3 năm 2013, 2014, 2015.

Bảng số 4: Bảng tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu/Nguồn kinh phí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG			
	Kinh phí thường xuyên	10.647.418.000	10.808.654.000	8.0972.000.000
II	CHI HOẠT ĐỘNG			
1	Chi thường xuyên	10.647.418.000	10.808.654.000	8.0972.000.000

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

4.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù loại hình kinh doanh của Đoạn là hoạt động trong lĩnh vực thi công công trình, duy tu, sửa chữa cầu đường do đó Đoạn chủ yếu tập trung thực hiện các hoạt động đó. Trong tương lai, khi chuyển đổi qua công ty cổ phần trong điều kiện thuận lợi, dự kiến phát triển thêm một số dịch vụ về san lấp mặt bằng, tư vấn lập và đánh giá hồ sơ mời thầu, quản lý dự án, giám sát thi công các công trình giao thông...

4.4. Năng lực sản xuất

Đoạn xác định rõ công tác bảo trì đường bộ là việc làm thường xuyên, tạo nguồn thu chính, chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu. Tính chất các công việc thường nhỏ, lẻ nằm rải rác và đột xuất trên tất cả các tuyến đường trong tỉnh do đoạn Đường bộ quản lý nên việc sử dụng máy móc thiết bị là hằng ngày thậm trí là cả đêm khi có sự cố mất ATGT, tắc đường hay tai nạn giao thông làm hư hại đến công trình giao thông.....Việc sử dụng máy móc đạt hiệu suất tương đối cao, hạn chế thời gian máy nghỉ giúp tăng tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn đoạn

4.5. Vị thế của Đoạn so với các Doanh nghiệp khác cùng ngành nghề

Đoạn được các cấp chính quyền tạo điều kiện cung cấp dịch vụ duy tu và sửa chữa cầu đường trên địa bàn tỉnh cũng như các khu vực phụ cận nên Đoạn luôn giữ vị thế dẫn đầu trong việc cung cấp các dịch vụ này trên địa bàn. Ngoài ra, Đoạn còn nhận được nhiều sự quan tâm của các cơ quan ban ngành trong tỉnh, đây là điều kiện thuận lợi khi tham gia các công trình giao thông của tỉnh và nâng cao vị thế uy tín của Đoạn. Bên cạnh đó, quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn tỉnh đã thúc đẩy nhu cầu đi lại ngày càng tăng kéo theo sự phát triển của hạ tầng giao thông.

4.6. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

- Tên Hợp đồng: Quản lý bảo dưỡng thường xuyên quốc lộ ủy thác 12B kéo dài, đường nối QL 1A với Cảng Ninh Phúc
- Thời gian thực hiện: 01/07/2016 đến 31/12/2017

– Giá trị Hợp đồng: 972.600.000 đồng

4.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Đoạn QLGT số 1

📌 Về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình:

Sáu tháng đầu năm 2016, tình hình kinh tế xã hội của Ninh Bình tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đầu tư từ những năm trước đang phát huy hiệu quả; nhiều dự án, đặc biệt là các dự án về công nghiệp, thương mại du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng; các dự án trọng điểm của tỉnh tiếp tục triển khai đã tạo bước phát triển mới và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Bên cạnh những thuận lợi, Ninh Bình còn gặp nhiều khó khăn, diễn biến thời tiết bất thường ảnh hưởng đến nông nghiệp và cuộc sống của người dân; Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn.

📌 Sự phát triển của hệ thống giao thông:

Các phương tiện vận tải phát triển cả về số lượng và chất lượng; Tuyến đường sắt, xe liên tỉnh chất lượng cao được chú trọng đầu tư, đáp ứng nhu cầu đi lại. Điều đó khiến hoạt động vận tải tăng cả về vận tải hàng hóa và vận tải hành khách.

II. THỰC TRẠNG ĐOẠN TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

Căn cứ Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp của Đoạn QLGT số 1 tại ngày 31/12/2015.

Bảng số 5: Bảng tổng hợp về giá trị còn lại tài sản cố định

Đơn vị: đồng

TT	Loại tài sản	31/12/2015		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4 - 3</i>
A	TSCĐ đang sử dụng	975.616.591	1.535.934.096	560.317.505
1.	TSCĐ hữu hình	975.616.591	1.535.934.096	560.317.505
a.	Nhà cửa, vật kiến trúc	602.501.189	1.061.281.084	458.779.895
b.	Máy móc, thiết bị	-	72.500.000	72.500.000
c.	Phương tiện vận tải	324.215.736	324.731.182	515.446
d.	Tài sản cố định khác	48.899.666	77.421.830	28.522.164
2.	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
3.	Bất động sản đầu tư	-	-	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

B	TSCĐ thuộc kết cấu hạ tầng giao thông	648.141.359	648.141.359	-
C	TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-
D	TS hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
	Tổng cộng	1.623.757.950	2.184.075.455	560.317.505

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

✚ Nhà cửa, vật kiến trúc

Giá trị thực tế của nhà cửa, vật kiến trúc bằng nguyên giá mới của tài sản (x) Chất lượng còn lại của tài sản.

Nguyên giá mới bằng Chi phí đầu tư xây dựng mới tài sản = Đơn giá xây dựng * Diện tích sàn xây dựng.

Chất lượng còn lại được tính toán kết hợp phương pháp Phân tích kinh tế kỹ thuật và thống kê kinh nghiệm theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Công văn số 1326/BXD-QLN ngày 08/8/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định là nhà, vật kiến trúc.

Bảng số 6: Thực trạng Nhà cửa, vật kiến trúc

Nhà cửa, vật kiến trúc	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
Giá trị sổ sách kế toán	940.105.100	602.501.189
Giá trị đánh giá lại	2.122.562.168	1.061.281.084
Chênh lệch	1.182.457.068	458.779.895

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội tiến hành đánh giá lại các tài sản này theo chất lượng còn lại căn cứ vào Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và nguyên giá mới theo giá thị trường. Theo đó, giá trị thực tế của nhà cửa, vật kiến trúc sau khi đánh giá lại tăng 458.779.895 đồng

✚ Máy móc thiết bị và phương tiện quản lý

Giá trị thực tế của tài sản = Nguyên giá tính theo giá thị trường nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá.

Bảng số 7: Thực trạng Máy móc thiết bị và phương tiện quản lý

Tài sản	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
- Máy móc thiết bị		

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Giá trị sổ sách kế toán	250.000.000	-
Giá trị đánh giá lại	250.000.000	72.500.000
Chênh lệch	-	72.500.000
- Phương tiện quản lý		
Giá trị sổ sách kế toán	130.209.100	48.899.666
Giá trị đánh giá lại	130.209.100	77.421.830
Chênh lệch	-	28.522.164

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

Giá trị thực tế của máy móc thiết bị tăng 72.500.000 đồng: Do đánh giá lại máy móc thiết bị theo chất lượng còn lại căn cứ vào Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và nguyên giá mới theo giá thị trường.

Giá trị thực tế của thiết bị quản lý và tài sản khác tăng 28.522.164 đồng: Do đánh giá lại tài sản theo chất lượng còn lại căn cứ vào Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và nguyên giá mới theo giá thị trường

Phương tiện vận tải

Giá trị thực tế phương tiện vận tải bằng nguyên giá mới của tài sản (x) chất lượng còn lại của tài sản

Nguyên giá mới được xác định theo giá trị thực tế trên thị trường tại thời điểm thẩm định giá, bao gồm cả chi phí đăng ký, đăng kiểm. Nếu là tài sản đặc thù không có trên thị trường thì tính theo giá mua mới của tài sản cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Trường hợp không có tài sản tương đương thì tính theo giá tài sản ghi trên sổ kế toán

Chất lượng còn lại của phương tiện vận tải được xác định theo hai phương pháp: căn cứ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hoặc căn cứ Quyết định 57/1999/QĐ-TĐC ngày 11/3/1999 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Bảng số 8: Thực trạng về phương tiện vận tải

Phương tiện vận tải	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
Giá trị sổ sách kế toán	515.446.321	324.215.736
Giá trị đánh giá lại	515.446.321	324.731.182
Chênh lệch	-	515.446

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

Giá trị thực tế của phương tiện vận tải tăng 515.446 đồng: Do đánh giá lại phương tiện vận tải theo chất lượng còn lại căn cứ vào Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, căn cứ Quyết định 57/1999/QĐ-TĐC ngày 11/3/1999 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và nguyên giá mới theo giá thị trường.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

2. Thực trạng tài chính Công nợ

✚ Các khoản phải thu

Bảng số 9: Bảng kê công nợ phải thu

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên khách hàng	Năm phát sinh	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5-4</i>
A	Các khoản phải thu ngắn hạn		4.835.754.000	4.835.754.000	-
I	Phải thu khách hàng		4.835.754.000	4.835.754.000	-
1	KP bảo hành sửa chữa rãnh ĐT 481B (QII/2015)	2015	16.000.000	16.000.000	-
2	KP bảo hành sửa chữa ĐT 480B (QIII/2015)	2015	49.400.000	49.400.000	-
3	KP sửa chữa TX các tuyến QIV/2015	2015	785.449.000	785.449.000	-
4	KP sửa chữa Quốc lộ 12B QIV/2015	2015	144.340.000	144.340.000	-
5	KP sửa chữa ĐT 480E (QIV/2015)	2015	470.820.000	470.820.000	-
6	KP sửa chữa ĐT481B K25+860 (QIV/2015)	2015	223.540.000	223.540.000	-
7	KP sửa chữa Hạt QLGT số 2	2015	452.874.000	452.874.000	-
8	KP sửa chữa Văn phòng Đoạn	2015	415.864.000	415.864.000	-
9	KP sửa chữa ĐT 481D (QIV/2015)	2015	370.810.000	370.810.000	-
10	KP sửa chữa ĐT 482B (QIV/2015)	2015	408.296.000	408.296.000	-
11	KP sửa chữa ĐT 480C (QIV/2015)	2015	223.270.000	223.270.000	-
12	KP sửa chữa ĐT 481B K14-K15 (QIV/2015)	2015	985.801.000	985.801.000	-
13	KP thực hiện lưu lượng xe	2015	18.000.000	18.000.000	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

14	KP sửa chữa ĐT480B (QIV/2015)	2015	271.290.000	271.290.000	-
B	Phải thu thuộc tài sản ngắn hạn		16.300.000	16.300.000	-
I	Tài sản ngắn hạn khác		16.300.000	16.300.000	-
1	<u>Tam ứng</u>		16.300.000	16.300.000	-
1	Phạm Công Thức	2015	5.000.000	5.000.000	-
2	Phạm Minh Tâm	2015	10.300.000	10.300.000	-
3	Trần Thị Mai	2015	1.000.000	1.000.000	-
C	Các khoản phải thu dài hạn		-	-	-
D	Phải thu thuộc TS dài hạn khác		-	-	-
	Tổng cộng		4.852.054.000	4.852.054.000	-

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

✚ Các khoản phải trả

Bảng số 10: Bảng kê công nợ phải trả

Đơn vị: VNĐ


STT	Tên khách hàng	Năm phát sinh	Theo sổ sách	Xác định lại	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5-4</i>
I	Phải trả người bán		203.526.480	203.526.480	-
1	Công ty CP TM Xây dựng 5 Hải Phòng	2015	105.250.000	105.250.000	-
2	Nợ tiền nhựa công trình (Vũ Văn Tiến)	2015	19.092.000	19.092.000	-
3	Công ty Cổ phần dầu khí Nam Định	2015	7.403.480	7.403.480	-
4	Xí nghiệp bến xe khách Ninh Bình bán dầu	2015	14.861.000	14.861.000	-
5	DNTN Phú Việt	2015	33.480.000	33.480.000	-
6	Cửa hàng xăng dầu Yên Ninh	2015	12.242.500	12.242.500	-
7	Cửa hàng xăng dầu Kim Sơn	2015	5.580.000	5.580.000	-
8	DNTN Trang Khôi	2015	1.537.500	1.537.500	-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

9	DNTN Thanh Lương	2015	4.080.000	4.080.000	-
II	Thuế và các khoản phải nộp NSNN		209.855.550	209.855.550	-
	Thuế giá trị gia tăng	2015	209.855.550	209.855.550	
III	Phải trả phải nộp khác		4.046.391.624	4.046.391.624	
1	Kinh phí công đoàn	2015	41.328.648	41.328.648	-
2	Các khoản phải trả khác	2015	4.005.062.976	4.005.062.976	-
a	DNTN Xây dựng và TM Quang Huy	2015	1.880.954.800	1.880.954.800	-
b	Công ty CP Cacbonco	2015	123.496.000	123.496.000	-
c	Nợ tiền phụ cấp cán bộ công đoàn	2015	48.070.000	48.070.000	-
d	Lương phải trả cho CBCNV	2015	1.611.295.336	1.611.295.336	-
e	Các khoản phải trả khác	2015	341.246.840	341.246.840	-
	Tổng cộng		4.459.773.654	4.459.773.654	-


(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

 Căn cứ pháp lý

– Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013

– Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai

 Thực trạng về đất đai đang sử dụng

STT	Tên địa chỉ khu đất	Diện tích (m ²): vị trí	Đơn vị đang quản lý sử dụng	Hình thức sử dụng đất hiện nay
1	Trụ sở văn phòng Số 6, phố Trì Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Diện tích 149 m ² , đất thuộc thửa số 132, tờ số 1-16, thị trấn Phát Diệm	Đoạn quản lý giao thông số 1	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng

(Nguồn: Đoạn quản lý giao thông số 1)

4. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động có tên trong đơn vị tại thời điểm 31/12/2015 là: 69 người. Trong đó:

Trong đó:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

- Nam: 48 người
- Nữ: 21 người
- ✚ Phân loại lao động theo hợp đồng và Đoàn thể

Bảng số 11: Cơ cấu lao động theo Hợp đồng và Đoàn thể

STT	Theo Hợp đồng lao động	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lao động không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	03	4,35 %
2	Lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	66	95,65%
	Tổng cộng	69	100%
	Theo Đoàn thể	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
1	Chi Bộ Đảng	24	34,8%
2	Công đoàn	45	65,2%
	Tổng cộng	69	100%

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

- ✚ Phân loại lao động theo trình độ lao động

Bảng số 12: Phân loại theo trình độ lao động

STT	Theo Trình độ lao động	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	1	1,4%
2	Đại học	10	14,5%
3	Cao đẳng	4	5,8%
4	Trung cấp	6	8,7%
5	Chung chỉ công nhân duy tu SC cầu, đường bộ	48	69,6%
	Tổng	69	100%

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

5. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động

✚ Thuận lợi

Đoạn QLGT số 1 luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó giúp Đoạn có những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng hoạt động.

Đoạn có đủ nguồn nhân lực, máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến để thực hiện chức năng chính. Tất cả các cán bộ đều thành thạo, tinh thông công việc và có tinh thần trách nhiệm cao.

Đoạn có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, với hơn 20 năm hoạt động phục vụ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và nhận được sự chỉ đạo sát sao của Sở Giao thông vận tải đã tạo ra nguồn lực và định hướng cho Đoạn hoàn thành các công việc được giao.

Ninh Bình là tỉnh có giao thông và kinh tế phát triển, số lượng phương tiện lưu thông khá lớn. Đây sẽ là điểm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Đơn vị sau khi cổ phần hóa



Khó khăn

Lĩnh vực kinh doanh của Đoạn không cho phép nhiều sản phẩm đa dạng để nghiên cứu, phát triển nâng mục tiêu lợi nhuận.

PHẦN II – KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

I. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ;
- Căn cứ Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp của Đoàn QLGT số 1 tại thời điểm 31/12/2015;
- Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Đoàn quản lý giao thông số 1 để cổ phần Hóa;

Giá trị thực tế của Đoàn QLGT số 1 và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp của Đoàn QLGT số 1 tại thời điểm ngày 31/12/2015 như sau:

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên sổ sách kế toán: 1.411.492.298 đồng
(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn hai trăm chín mươi tám đồng)
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi xác định giá trị doanh nghiệp: 2.029.739.670 đồng
(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng)
- Giá trị tài sản thực tế của Đoàn QLGT số 1 tại thời điểm 31/12/2015 là 7.137.654.683 đồng
(Bằng chữ: Bảy tỷ một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng)

II. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Bảng số 13: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4 - 3</i>
A	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	5.871.265.952	6.489.513.324	618.247.372
I	Tài sản cố định	975.616.591	1.535.934.096	560.317.505
1	Tài sản cố định hữu hình	975.616.591	1.535.934.096	560.317.505
2	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
3	Chi phí xây dựng dở dang	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	4.895.649.361	4.953.579.228	57.929.867
1	Tiền	35.902.549	35.902.549	-
	<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>19.730.348</i>	<i>19.730.400</i>	<i>52</i>
	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>16.172.201</i>	<i>16.172.201</i>	<i>-</i>
2	Đầu tư tài chính	-	-	-
3	Các khoản phải thu	4.835.754.000	4.835.754.000	-
4	Vật tư, hàng hoá tồn kho	7.692.812	7.692.812	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	16.300.000	16.300.000	-
6	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	57.929.815	57.929.815
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	Tài sản cố định thuộc kết cấu hạ tầng giao thông	648.141.359	648.141.359	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	6.519.407.311	7.137.654.683	618.247.372
	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DN (Mục A)	6.519.407.311	7.137.654.683	618.247.372
				-

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

E1	Nợ thực tế phải trả	4.459.773.654	4.459.773.654	
1	Vay và nợ	-	-	-
2	Phải trả người bán	203.526.480	203.526.480	-
3	Người mua trả tiền trước	-		-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	209.855.550	209.855.550	-
5	Phải trả người lao động	-	-	-
6	Chi phí phải trả	-	-	-
7	Phải trả nội bộ	-	-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.046.391.624	4.046.391.624	-
E2	TSCĐ thuộc kết cấu hạ tầng giao thông	648.141.359	648.141.359	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A- (E1+E2)]	1.411.492.298	2.029.739.670	618.247.372

(Nguồn: Báo cáo tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp)

2. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý

Các khoản công nợ phải thu, phải trả hầu hết đã đối chiếu, xác nhận và thanh toán ở tháng 01 năm 2016

PHẦN III – NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin chung về việc cổ phần hoá

1.1. Cơ sở pháp lý

 Các văn bản quy định về cổ phần hoá

- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Thông 33/2012/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông Tư 44/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị Định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Kế hoạch số 56//KH-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2015 Kế hoạch triển khai thực hiện việc cổ phần hóa Đoạn QLGT số 1, Đoạn QLGT số 2 thuộc sở Giao thông Vận tải Ninh Bình;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài

chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước.
- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Cổ phần hóa Đoạn quản lý giao thông số I, Đoạn quản lý giao thông số II thuộc Sở GTVT Ninh Bình
- Văn bản số 480/LĐT BXH-LĐTL ngày 27/4/2016 của Sở Lao động thương binh và xã hội về việc hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.
- Quyết định số 1636/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Đoạn quản lý giao thông số 1 để cổ phần hóa.

1.2. Hình thức cổ phần hoá

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại Điều 4, Nghị định 59/2015/NĐ - CP, Đoạn QLGT số 1 lựa chọn hình thức cổ phần hóa là: **“Bán toàn bộ số vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”**

1.3. Mục tiêu cổ phần hoá


Mục tiêu của việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hoạt động hiệu quả hiện nay và trong tương lai;
- Tạo khả năng thu hút vốn, kỹ thuật, công nghệ mới.
- Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tận dụng nguồn lực từ xã hội giúp doanh nghiệp nhanh nhạy hơn với hoạt động kinh doanh của ngành, phát triển sản xuất kinh doanh, bố trí đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước;
- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;

- Việc chuyển đổi từ hình thức Đơn vị sự nghiệp công lập sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên mỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng động hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ được thiết lập lại và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán;
- Hướng tới việc niêm yết trên thị trường Chứng khoán, sử dụng nhiều kênh huy động vốn nhanh chóng và hiệu quả.

2. Doanh nghiệp sau cổ phần hoá

2.1. Thông tin chung

- Tên gọi công ty đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG SỐ 1 NINH BÌNH
- Tên viết tắt tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO THÔNG SỐ 1 NINH BÌNH
- Tên giao dịch tiếng Anh : NINH BÌNH TRAFFIC MANAGEMENT AND CONSTRUCTION NUMBER 1 JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Anh : NINH BINH TRAMACO 1 JSCP
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 6, phố Trì Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Điện thoại : 02293 - 720.241 – 02293.862.053
-  Vốn điều lệ (dự kiến) : 2.029.730.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)

2.2. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, Duy tu bảo dưỡng và xây dựng cầu đường bộ, đường sông và các tuyến đường bộ Trung ương ủy thác và các tuyến đường địa phương.
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ trong và ngoài tỉnh
- Thu phí tại các bèn phà vượt sông địa phương và Trung ương.
- Kinh doanh vận tải, sản xuất Vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng công trình.
- Kinh doanh dịch vụ công cộng, nhà nghỉ...
Ngoài những ngành nghề trên, công ty sẽ kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm theo Luật Doanh nghiệp 2014.

2.3 Tổ chức công ty cổ phần

Sau khi chuyển sang cổ phần, Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông số I có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh;
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

- Quản lý, Duy tu bảo dưỡng và xây dựng cầu đường bộ, đường sông và các tuyến đường bộ Trung ương ủy thác và các tuyến đường địa phương .
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ trong và ngoài tỉnh.
- Thu phí tại các bèn phà vượt sông địa phương và Trung ương .
- Kinh doanh vận tải, sản xuất Vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng công trình
- Kinh doanh dịch vụ công cộng, nhà nghỉ...

Ngoài những ngành nghề trên, công ty sẽ kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm theo Luật Doanh nghiệp 2014.

4. Tổ chức cán bộ công ty

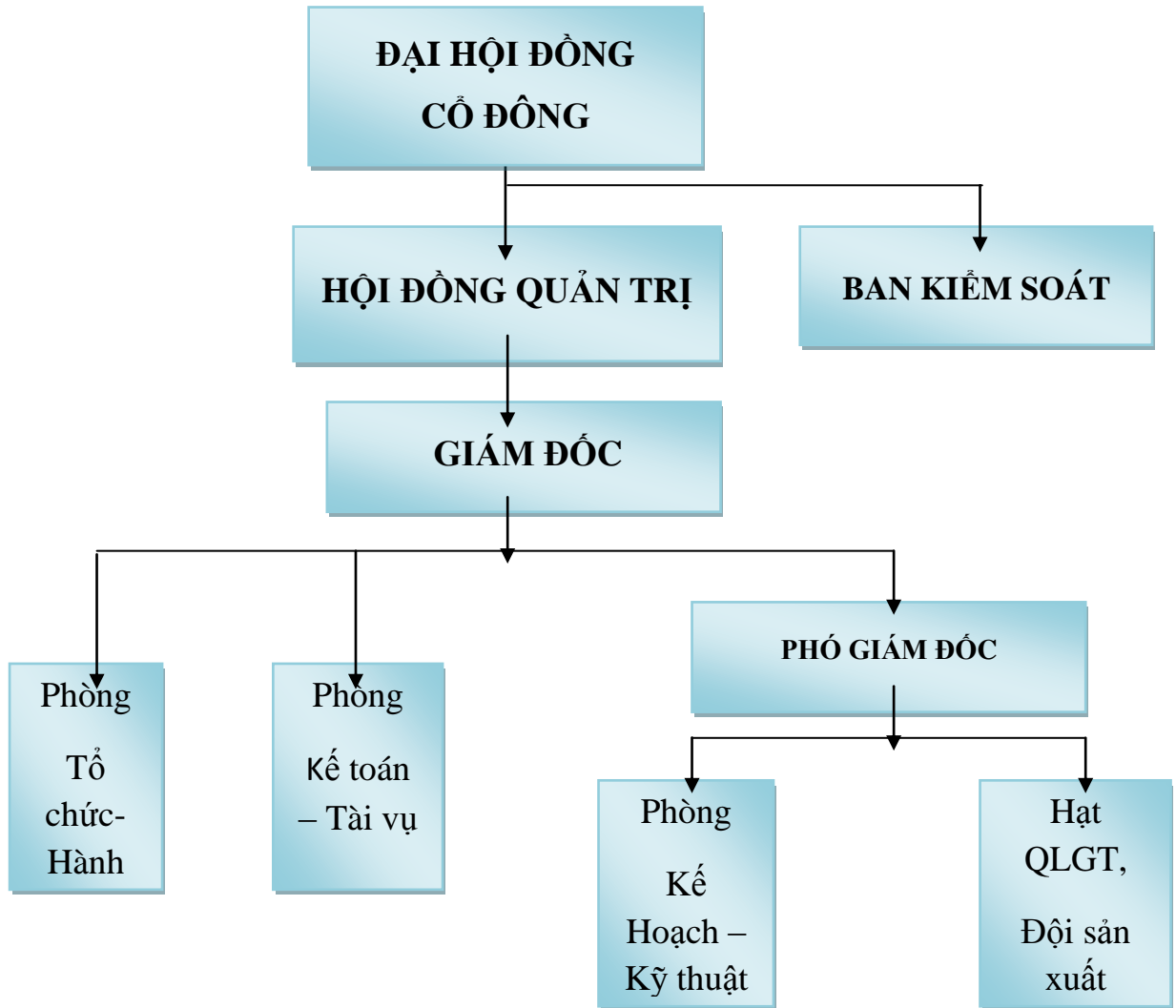
Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông số I được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức bộ máy cán bộ sau cổ phần hoá:

Hội đồng quản trị	:	03 người
Ban Kiểm soát	:	03 người
Giám đốc điều hành	:	01 người
Phó Giám đốc	:	01 người
Kế toán trưởng	:	01 người

4.1. Sơ đồ tổ chức công ty cổ phần

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức trong công ty cổ phần



(Nguồn: Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông số 1)

✚ Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

✚ Hội đồng quản trị: 03 người

Hội đồng quản trị là cơ quan lãnh đạo công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

✚ Chủ tịch Hội đồng quản trị

✚ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

- + Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
- + Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- + Ban Kiểm soát: 03 người

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng các qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;

- + Ban Giám đốc

Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là Phó giám đốc.

Giám đốc, Phó giám đốc là những người đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ và điều lệ công ty.

- + Phòng Tổ chức hành chính: 03 người

Phòng TCHC có nhiệm vụ tổ chức quản lý nhân sự, hợp đồng lao động, tiếp nhận giải quyết các thủ tục cho CBCNV, soạn thảo các văn thư, công văn của công ty, lưu dữ và bảo quản hồ sơ của công ty tránh bị thất lạc, quản lý cơ sở vật chất, tài sản của công ty...

- + Phòng Kế toán – Tài vụ: 02 người

Tham mưu cho Giám đốc quản lý công tác tài chính, công tác kế toán tài vụ, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động của công ty, quản lý vốn, tài sản của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao

- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật: 04 người

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc xây dựng kế hoạch, quản lý công tác kỹ thuật, thi công xây dựng, tiến độ chất lượng đối với các gói thầu, xây dựng kế hoạch đấu thầu. Phối hợp với các phòng ban chức năng để tham gia quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Theo dõi tiến độ thực hiện và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- + Các hạt QLGT số 1, số 2 và số 3: 35 người

- Các Hạt tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Triển khai nhiệm vụ duy tu, sửa chữa thường xuyên trên các tuyến được giao cho Hạt quản lý. Luôn đảm bảo mặt đường thông thoáng an toàn cho người và phương tiện

tham gia giao thông. Đảm bảo hệ thống ATGT luôn được phát huy hiệu quả đó là không để cây cỏ che khuất cọc tiêu, biển báo luôn sáng đẹp rõ ràng.

– Tổ chức thực hiện công tác quản lý các tuyến đường đó là: công nhân tuần đường hàng ngày đi tuần tra, kiểm tra các tuyến phát hiện kịp thời những vi phạm về hành lang ATGT xử lý luôn khi có thể và báo cáo về Hạt, báo cho tuần kiểm được biết. Nhân viên tuần đường, tuần cầu phát hiện kịp thời những vết nứt, vết lõm, ổ gà trên đường đặc biệt là các cây cầu, báo cáo nhanh kịp thời về cho tuần kiểm. Đồng thời nhân viên tuần đường, tuần cầu hàng ngày phải ghi chép đầy đủ các diễn biến của đường, của cầu vào trong sổ tuần đường.

– Tham gia xây dựng các công trình của đơn vị chúng tôi như các công trình về cống, cầu, đường....

– Định kỳ Hạt tập trung các số liệu theo yêu cầu nhiệm vụ để báo cáo cho ban giám đốc công ty thông qua phòng kỹ thuật của công ty

5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm công bố GTDN

Quyết định số 1636/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Đoạn quản lý giao thông số 1 để cổ phần hóa.

Tổng giá trị thực tế của Đoạn QLGT số 1 để cổ phần hoá là: **7.137.654.683 đồng**

(Bằng chữ: Bảy tỷ một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Đoạn QLGT số 1 là: **2.029.739.670 đồng**

(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng)

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp

– Tài sản không cần dùng : 0 đồng

– Tài sản chờ thanh lý : 0 đồng

6. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Vốn điều lệ: 2.029.730.000 đồng

(Bằng chữ Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng)

– Tổng số cổ phần phát hành: 202.973 cổ phần

(Bằng chữ: Hai trăm linh hai nghìn chín trăm bảy mươi ba cổ phần)

– Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

– Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phiếu

7. Cơ cấu vốn điều lệ

Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến như sau:

Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên	162.300	1.623.000.000	79,96%
2.1	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên (danh sách kèm theo)</i>	<i>107.100</i>	<i>1.071.000.000</i>	<i>52,77%</i>
2.2	<i>Cổ phần bán cho cổ đông là cán bộ công nhân viên cam kết làm việc lâu dài (danh sách kèm theo)</i>	<i>55.200</i>	<i>552.000.000</i>	<i>27,19%</i>
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	40.673	406.730.000	20,04%
	Cộng	202.973	2.029.730.000	100%

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Đoạn QLGT số 1 dự kiến thực hiện việc bán cổ phần thông qua các phương thức sau:

- Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động;
- Bán cổ phần mua theo cam kết cho người lao động;
- Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

- Căn cứ Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 01/12/2016
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Công nhân viên chức ngày 07/03/2017

1.1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động

✚ Nguyên tắc tính số cổ phần ưu đãi (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg và Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP) như sau:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 :

Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	: 69 người
Tổng số lao động được mua cổ phiếu ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước	: 69 người
Tổng số lao động không được mua cổ phần ưu đãi	: 0
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	: 107.100 cổ phần
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	: Không hạn chế
Giá bán cổ phần ưu đãi(đồng)	: 60% giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian dự kiến	: Sau khi Bán đấu giá ra ngoài

Danh sách chi tiết người lao động, số năm công tác, và số cổ phần được mua ưu đãi theo năm công tác trong khu vực nhà nước được liệt kê tại Phụ lục 4 kèm phương án này

1.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian cam kết làm việc lâu dài

Theo Khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg và Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nguyên tắc tính số cổ phần cam kết như sau:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

- a) Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

b) Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đầu thành công thấp nhất.

c) Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm theo hình thức cam kết làm việc lâu dài bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.

Tổng số người lao động cam kết làm việc lâu dài	:	46 người
Tổng số cổ phần được mua theo cam kết làm việc lâu dài	:	55.200 cổ phần
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	:	Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết. Nếu chuyển nhượng số CP này phải bán lại cho Cty để Cty điều tiết sau.

Giá bán cổ phần ưu đãi	:	giá đầu thành công thấp nhất
------------------------	---	------------------------------

Thời gian dự kiến	:	Sau khi Bán đầu giá ra ngoài
-------------------	---	------------------------------

Danh sách chi tiết người lao động, số năm cam kết, và số cổ phần được mua thêm theo năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần được liệt kê tại Phụ lục 4 kèm phương án này

2. Cổ phần bán đầu giá công khai ra công chúng

Phương thức bán cổ phần lần đầu: Căn cứ thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Đối tượng được phép mua cổ phần bao gồm: Nhà đầu tư tổ chức, cá nhân và nhà đầu tư nước ngoài.

Các nhà đầu tư không được tham gia mua cổ phần bao gồm: Thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa ngoại trừ thành viên là đại diện Doanh nghiệp, các cá nhân liên quan thực hiện tư vấn xác định giá trị Doanh nghiệp và tổ chức tư vấn thực hiện bán đầu giá cổ phần cho Đoạn QLGT số 1.

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định 59: Đấu giá tại các tổ chức tài chính trung gian nếu khối lượng đầu giá cổ phần bán ra có mệnh giá dưới 10 tỷ đồng

Tên công ty	:	Công ty cổ phần quản lý và Xây dựng giao thông số I
-------------	---	---

Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
--------------	---	--

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai	:	40.673 cổ phần (Tương ứng 20,04% vốn điều lệ.)
Mệnh giá	:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá khởi điểm bán đấu giá	:	10.000 đồng
Đối tượng chào bán	:	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng được các điều kiện quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Đoàn QLGT số 1
Phương thức đấu giá	:	Bán đấu giá công khai
Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	:	Công ty TNHH kiểm toán và định giá Vạn an Chi nhánh Hà nội .
Thời gian và địa điểm đăng ký	:	Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Đoàn QLGT số 1

3. Giá khởi điểm

Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là: **10.000 đồng/cổ phần**

Căn cứ: Theo khoản 7 Điều 2 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Thông tư hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần thì: “Giá khởi điểm là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cấp có thẩm quyền quy định nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng Việt Nam). Giá khởi điểm của cổ phần đấu giá được xác định trên cơ sở kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai và giá trị Quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ được để lại doanh nghiệp (nếu có)”

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch bố trí lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động sau khi Công ty chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, dựa trên tình hình thực tế đội ngũ lao động tại công ty, nhu cầu lao động dự kiến giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động. Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Số lao động của công ty tại thời điểm công bố GTDN ngày 01/12/2016 là: 69 người

Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty cổ phần: 46 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 46 người,
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người

Số lao động nghỉ hưởng chế độ hưu trí (theo quy định của luật BHXH): 01 người

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Số lao động không bố trí được việc làm ở Công ty cổ phần: 22 người, trong đó nữ: 04 người

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 18 tháng 10 năm 2000 không bố trí được việc làm, phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động: 18 người, trong đó nữ: 03 người

Trong đó:

+ Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 02 người

+ Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu tối đa 06 tháng đóng BHXH: 0 người

+ Số lao động phải nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động: 16 người

- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 18 tháng 10 năm 2000 trở về sau không bố trí được việc làm, phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động: 04 người, trong đó nữ: 01 người.

2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần 46 người được phân loại như sau:

Bảng số 15: Cơ cấu lao động Công ty cổ phần

Cơ cấu lao động theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học, trên Đại học	10	21,75%
Cao đẳng	4	8,69%
Trung cấp	6	13,04 %
Chứng chỉ công nhân duy tu SC cầu	26	56,52%
Tổng	46	100%
Cơ cấu lao động theo giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nam	33	71,74%
Nữ	13	28,26%
Tổng	46	100%

(Nguồn: Đoạn QLGT số 1)

Bố trí về lao động: rà soát sắp xếp lại lao động Gián tiếp, trực tiếp của các phòng, ban đảm bảo gọn nhẹ, phù hợp với Công ty cổ phần; giảm số lao động gián tiếp, phục vụ, một người kiêm nhiều việc

Tuyển dụng lao động: ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề bậc cao, công nhân đã đào tạo qua chuyên ngành cầu đường.

Chính sách đối với người lao động: Căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định; thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm; thực hiện đóng BHXH, mua BHYT, BHTN cho người lao động

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

theo chế độ, chính sách Nhà nước; thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước

IV. CHI PHÍ CỔ PHẦN HOÁ

Căn cứ điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ bán cổ phần các doanh nghiệp nhà nước 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần quy định về mức chi phí cổ phần hóa. Đơn vị được chi cho công việc cổ phần hóa là : 200.000000đ (Hai trăm triệu đồng)

V. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2012 của Bộ Tài Chính. Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Đoạn quản lý giao thông số 1 dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và đấu giá được mua với giá 10.000 đồng

Bảng số 16: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước

Khoản mục	Số tiền (VNĐ)
1. Vốn điều lệ Công ty cổ phần	2.029.730.000
2. Tiền thu từ cổ phần hoá	1.601.330.000
- Từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV (60%)	642.600.000
- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty	552.000.000
- Từ bán đấu giá công khai	406.730.000
3. Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	200.000.000
4. Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	1.344.836.350
Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách (5) = (2) - (3) - (4)	56.493.650

– Giá bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước dự kiến: 6.000 đồng;

- Giá bán cổ phần cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty dự kiến: 10.000 đồng;

– Giá đấu giá thành công thấp nhất dự kiến: 10.000 đồng

– Giá bán cổ phần công khai dự kiến: 10.000 đồng

– Công ty sẽ thực hiện nộp tiền vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài và thu tiền của CBCNV.

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước;
- Thông tư 83/2007/TT-BTC ngày 16/07/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước;
- Nghị định 53/NĐ-CP ngày 01/07/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

2. Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hoá

STT	Tên địa chỉ khu đất	Diện tích (m²): vị trí	Đơn vị đang quản lý sử dụng	Hình thức sử dụng đất hiện nay	Phương án sử dụng đất sau khi CPH
1	Trụ sở văn phòng Số 6, phố Trì Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Diện tích 149 m ² , đất thuộc thửa số 132, tờ số 1-16, thị trấn Phát Diệm	Đoạn quản lý giao thông số 1	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

VII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân bổ lợi nhuận trong 3 năm tiếp theo

1.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty

Thuận lợi

Dù vẫn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thối kinh tế, tuy nhiên năm 2016 GDP của Việt Nam đã tăng trưởng. Các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia kinh tế đều tin tưởng rằng nền kinh tế Việt Nam có thể phát triển tốt trong năm 2017 với tốc độ tăng GDP dự báo đạt 6,3%. Cơ sở hạ tầng giao thông được nâng cấp, các dịch vụ công cộng hiện đại đang gia tăng, vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển.

Việc đầu giá cổ phần lần đầu sẽ thu hút một lượng vốn đầu tư từ bên ngoài, đa dạng hóa hình thức sở hữu, giúp Công ty chủ động hơn trong vấn đề tài chính và đầu tư, dễ dàng nắm bắt cơ hội kinh doanh, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao

hiệu quả và sức cạnh tranh. Đồng thời công ty còn thu hút các nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực về mặt tài chính, có nhiều kinh nghiệm quản lý kinh tế, cam kết gắn bó lâu dài và hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian tới

Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động công ích như: xây dựng, sửa chữa công trình giao thông...Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình.

Khó khăn

Ngành nghề kinh doanh của công ty là hoạt động dịch vụ công ích không nhằm mục tiêu lợi nhuận trên các lĩnh vực như thi công công trình giao thông, quản lý duy tu bảo dưỡng thường xuyên cầu đường... Giá bán các sản phẩm, dịch vụ của Đoạn do Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên vật liệu.. đầu vào của Đoạn liên tục biến động, nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành biến động sẽ mất nhiều thời gian từ khi điều chỉnh giá do các giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động của Đoạn, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Đoạn.

Nguồn lao động có tay nghề cao và có kinh nghiệm trong lĩnh vực này ít nên sẽ bị cạnh tranh về lao động, đòi hỏi công ty phải có những chính sách ưu đãi và đãi ngộ tốt.

Do phát triển các ngành nghề mới nên chi phí xây dựng, chi phí vốn đầu tư, chi phí nhân công và khấu hao tài sản mới lớn, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn đầu sau cổ phần hóa sẽ không cao; đây lại là những ngành mà công ty chưa có nhiều kinh nghiệm nên sẽ cần thời gian để học tập, chuẩn bị công tác quản lý

1.2. Kế hoạch hoạt động SXKD của Công ty

Cơ sở xây dựng kế hoạch

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Đoạn trước cổ phần hoá;
- Căn cứ vào dự báo thị trường, mức độ phát triển của ngành trong tương lai;

Phân tích thực trạng doanh nghiệp

❖ Điểm mạnh:

- Cùng với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa tại Việt Nam, nhu cầu về hạ tầng giao thông và các dịch vụ công cộng gia tăng, vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển.
- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín và hàng năm được các cấp chính quyền địa phương tin tưởng giao thực hiện cung cấp các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận.
- Ban lãnh đạo tâm huyết, tài năng, gắn bó cùng công ty
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu năng lực, kinh nghiệm.

❖ Điểm yếu

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

- Đa số CBCNV có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau còn thiếu thực tiễn, trình độ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Đoàn.
- Năng lực cạnh tranh của Đoàn còn hạn chế, khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng trong bối cảnh các hoạt động dịch vụ xây dựng, sửa chữa hạ tầng giao thông đều thực hiện qua đấu thầu nên ảnh hưởng đến triển khai dự án, tiến độ thi công, làm phát sinh chi phí, giảm hiệu quả đầu tư nên tiềm ẩn mức độ cạnh tranh cao và rủi ro khá lớn.

❖ Cơ hội

- Chủ trương thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không nhất thiết nắm giữ 100% vốn
- Chủ trương xã hội hóa công tác Quản lý giao thông
- Nền kinh tế đang phục hồi, thuận lợi cho việc thoái vốn và kêu gọi đầu tư
- Các chính sách tích cực trên thị trường vốn.

❖ Nguy cơ

- Các rủi ro khác của vĩ mô như lạm phát, tỷ giá, lãi suất.

1.3. Dự kiến kết quả hoạt động SXKD 3 năm sau cổ phần hoá

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào Doanh thu và chi phí hoạt động, bảng sau đây trình bày dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối thu nhập trong giai đoạn 3 năm sau khi tiến hành cổ phần hoá

Bảng số 17: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hoá

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tiêu chí	ĐVT	2018	2019	2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	3.500	4.500	5.000
2	Kế hoạch đầu tư XDCB:	Tr.đồng			
	- Công trình: Duy tu SCTX		5.000	6.000.000	6.000.000
	- Công trình: S/c đột xuất + định kỳ		3.000	4.000.000	5.000.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	11.000	12.000	13.000
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	9.823	10.641	11.688
5	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	1.177	1.359	1.312
6	Tỷ lệ cổ tức	%	5%	5%	5%
7	Tổng số lao động (người)	Người	46	66	66
8	Tổng quỹ lương kế hoạch	Tr.đồng	2.484	2.760	3.036
9	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng	4,5	5	5,5

1.4. Các giải pháp thực hiện

Giải pháp về tổ chức quản lý

– Về bộ máy: Sẽ tiến hành sắp xếp lại bộ máy theo mô hình tổ chức gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả; Song song với việc kiện toàn bộ máy tổ chức đơn vị cũng sẽ xây dựng cơ chế hỗ trợ các tổ chức đoàn thể trong đơn vị hoạt động tốt để nhằm động viên, phát huy quyền dân chủ của người lao động nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

– Bộ máy quản lý phải tuyển thêm những lao động có kinh nghiệm, có tay nghề cao trong ngành nghề mới, đồng thời phải có sự hỗ trợ của cổ đông chiến lược.

– Đối với mô hình các Hạt Quản lý giao thông là bộ phận trực thuộc Công ty vẫn tiếp tục thực hiện quản lý và duy tu sửa chữa thường xuyên cầu đường là hoạt động chính.

Trường hợp đơn vị được giao đặt hàng thực hiện quản lý và duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh, đường huyện thì vẫn giữ nguyên cơ cấu bộ máy, nhân sự.

Trường hợp không được giao đặt hàng hoặc không trúng thầu gói quản lý và duy tu sửa chữa thường xuyên các tuyến đường tỉnh, đường huyện dẫn đến mất cân đối tài chính (thu không đủ bù chi), công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu các Hạt Quản lý giao thông (giải thể hoặc sáp nhập...) theo phương hướng đảm bảo hoạt động hiệu quả và tự chủ về tài chính.

– Về quản lý điều hành: tiến hành xây dựng các quy chế quản lý điều hành phù hợp với loại hình doanh nghiệp mới, phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay.

Giải pháp về nguyên vật liệu, thiết bị

– Căn cứ vào hồ sơ thiết kế, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất;

– Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;

– Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế đảm bảo tiết kiệm chi phí và chất lượng công trình thi công;

– Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.

– Quản lý thiết bị: thiết bị điều động phải phù hợp với phương án thi công công trình. Thiết bị giao cho thợ vận hành có trình độ kỹ thuật được đào tạo, bảo quản và sử dụng thiết bị tốt. Thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng định kỳ quy định.

– Công ty dự kiến mua thêm 01 máy xúc, 01 máy lu, 02 xe tải, nồi nấu nhựa đường, xe quét đường và một số máy móc khác.

Giải pháp về tài chính

– Lập phương án chi tiết để huy động vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người lao động

– Đầu tư nghiên cứu, lập dự án mở rộng sản xuất, tìm đối tác mạnh về tài chính, giới về công nghệ để liên kết đầu tư mở ngành nghề sản xuất mới. Nhằm thực hiện đa dạng hoá loại hình sản xuất khai thác hết tiềm năng sẵn có về mặt bằng và vị trí địa lý.

– Đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, chống lãng phí. Xây dựng định mức chi phí cho các hoạt động trong công ty; đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh, xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật hợp lý, tiết kiệm các chi phí

– Để thực hiện giải pháp mở rộng nâng cấp, kinh doanh thêm ngành nghề mới thì Công ty cần rất nhiều về vốn sau cổ phần hóa, do đó Ban lãnh đạo Công ty đã cùng thảo luận với các nhà đầu tư chiến lược về định hướng phát triển.

– Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận giai đoạn 2017-2019 ở mức hòa vốn do thời gian đầu sau cổ phần hóa công ty thực hiện một số dự án lớn với tổng mức đầu tư lớn, dự kiến ngoài việc huy động từ nguồn vốn góp thêm của các cổ đông Công ty sẽ tận dụng thêm giải pháp huy động vốn vay từ các tổ chức tín dụng và ngân hàng

Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

– Tuyên truyền, giáo dục, học tập Luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn công ty.

– Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình hoạt động, tiêu dùng đặc biệt là sử dụng nguyên nhiên vật liệu và điện năng.

– Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

– Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai, đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương, xây dựng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng trong sản xuất... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

– Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng uỷ, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

- Đảng bộ công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Xây dựng đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.
- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động.
- Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty cổ phần. Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ...

2. Đánh giá rủi ro dự kiến

Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty cổ phần quản lý và Xây dựng giao thông I-NB là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Rủi ro về pháp luật

Là đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Đoạn QLGT số 1 được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp 2014, Thuế doanh nghiệp do Nhà nước ban hành...

Rủi ro lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu

Rủi ro lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Đoạn có thể sử dụng đến kênh huy động vốn

từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Năm 2016, lãi suất huy động sau khi tăng khoảng 0,2 – 0,3%/ năm trong 3 tháng đầu năm đã duy trì ổn định, từ tháng 4 từng bước được điều chỉnh giảm và dự kiến tiếp tục ổn định những tháng cuối năm. Từ cuối tháng 4, các ngân hàng thương mại nhà nước và cổ phần điều chỉnh giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn và đưa lãi suất cho vay trung, dài hạn về tối đa 10%/năm đối với các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất như kể trên của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đẩy mạnh. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm.

Ngoài ra, việc Đoạn QLGT số 1 chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục từ sau cuộc khủng hoảng năm 2008, tính thanh khoản trên thị trường chứng khoán không cao.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần

(Dự thảo Điều lệ kèm theo)

4. Kiến nghị và tổ chức thực hiện

4.1. Kiến nghị

Thực hiện cổ phần hóa Đoạn QLGT số 1 là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị UBND tỉnh Ninh

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1

Bình xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Đoạn QLGT số 1 để Đoạn triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước

4.2. Tổ chức thực hiện

Sau khi Phương án cổ phần hóa của Đoạn được phê duyệt và có Quyết định chuyển Đoạn QLGT số 1 thành Công ty cổ phần, Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài trong khoảng 1 đến 2 tháng kể từ khi phương án được phê duyệt.
- Tổ chức bán cổ phần cho người lao động và thu tiền mua cổ phần.
- Tổ chức Đại hội Đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.
- Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp và Công ty cổ phần.

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá cho cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T+30
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi và cam kết cho CBCNV	T+30
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần và tiến độ nộp tiền của các nhà đầu tư với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T+35
5	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T+60
6	Công ty làm thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp dấu mới, lập BCTC tại thời điểm chuyển đổi, bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho HĐQT công ty cổ phần	T+65

Ninh Bình, ngày ... tháng ... năm 2017

**UBND TỈNH NINH BÌNH
BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
TRƯỞNG BAN**

**ĐOẠN QUẢN LÝ GIAO THÔNG SỐ 1
GIÁM ĐỐC**

Đã ký

Đã ký